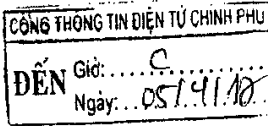


THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /2017/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý và thực hiện
Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Thủ tướng Chính phủ Quyết định ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 5 năm 2017.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Liên minh các hợp tác xã Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (3). KH *đkt*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

QUY CHẾ

Quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2017/QĐ-TTg

ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng giai đoạn (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện các đề án thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là Đơn vị chủ trì), cơ quan quản lý Chương trình, các đối tượng thụ hưởng Chương trình và các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Điều 2. Đơn vị chủ trì

1. Đơn vị chủ trì là cơ quan quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp hỗ trợ trung ương và địa phương; các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện các đề án thuộc Chương trình.

2. Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp và các nguồn vốn khác để triển khai thực hiện các đề án và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

3. Đơn vị chủ trì được ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân để thực hiện các hạng mục công việc thuộc nội dung đề án.

Điều 3. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình cấp trung ương được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo kế hoạch;
- b) Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ;

c) Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước;

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện Chương trình cấp địa phương được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp hàng năm;

b) Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ;

c) Nguồn tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí thực hiện Chương trình cấp trung ương được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương theo quy định;

b) Kinh phí thực hiện Chương trình của địa phương được giao trong ngân sách hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 4. Quản lý kinh phí của Chương trình

1. Bộ Công Thương xây dựng kế hoạch, lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình cấp trung ương và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương, trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Chương trình và kinh phí thực hiện hàng năm để triển khai các đề án trên cơ sở thông báo dự toán chi ngân sách cho Chương trình của Bộ Tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình cấp địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương mình, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước được tiến hành lập dự toán, phê duyệt dự toán, phân bổ giao dự toán, chấp hành dự toán và kế toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước theo mã số riêng quy định tại Mục lục ngân sách nhà nước.

4. Bộ Công Thương ký hợp đồng thực hiện các đề án thuộc Chương trình cấp trung ương; cơ quan có thẩm quyền cấp địa phương ký hợp đồng thực hiện các đề án thuộc Chương trình cấp địa phương với các tổ chức, cá nhân.

5. Chậm nhất sau 30 ngày kể từ khi nghiệm thu đề án theo hợp đồng, đơn vị thực hiện đề án phải hoàn thành hồ sơ quyết toán theo quy định.

6. Đối với các đề án thuộc Chương trình đã được giao và ký hợp đồng, kinh phí ngân sách hỗ trợ không sử dụng hết được xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước.

Chương II **NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ**

Điều 5. Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

1. Các hoạt động chính bao gồm:

a) Khảo sát, đánh giá nhu cầu, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kiểm soát chất lượng cho sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;

b) Tổ chức đánh giá, xác nhận năng lực doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ;

c) Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ;

d) Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ;

đ) Đánh giá và công nhận các doanh nghiệp có trình độ và quy mô đáp ứng yêu cầu quốc tế;

e) Kết nối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam với các doanh nghiệp trong và ngoài nước;

g) Tổ chức hội thảo xúc tiến thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ;

h) Tổ chức hội chợ triển lãm kết nối công nghiệp hỗ trợ;

i) Tổ chức chương trình xúc tiến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào công nghiệp hỗ trợ;

k) Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;

l) Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tìm kiếm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước;

m) Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động công nghiệp hỗ trợ.

2. Mức hỗ trợ tối đa 100% áp dụng cho các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, đ, khoản 1 Điều này; 70% áp dụng cho các nội dung quy định tại điểm e, g, h, i, k, l, m khoản 1 Điều này.

Điều 6. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất

1. Các hoạt động chính bao gồm:

- a) Đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất tại các doanh nghiệp;
- b) Xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp;
- c) Đánh giá, công nhận hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất.

2. Mức hỗ trợ tối đa 100% áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

1. Các hoạt động chính bao gồm:

- a) Nghiên cứu, đánh giá nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ;
- b) Xây dựng chương trình đào tạo nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước; cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;
- c) Tổ chức các khóa đào tạo cán bộ quản lý nhà nước; cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ về chính sách, quản lý, công nghệ, thương mại...;
- d) Thuê tư vấn và hợp tác, liên kết với các chuyên gia nước ngoài để hỗ trợ công tác đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ nhân lực quản lý, quản trị sản xuất, đội ngũ kỹ thuật, công nghệ,...

2. Mức hỗ trợ tối đa 70% áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu

1. Các hoạt động chính bao gồm:

- a) Xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ;